

Số: 35 /2024/QĐST - DS

Ba Tri, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 440/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi tRng biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Ngô Văn R, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Bà Tràng Thị Thu Hương – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Ông Ngô Văn X, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ngô Văn Xm, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

2. Bà Ngô Thị Rm, sinh năm 1966

Địa chỉ: bung A, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ

3. Ông Ngô Văn R, sinh năm 1980

Địa chỉ: bung A, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ

4. Ông Ngô Văn R, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ông Xm, bà Rm, ông R: Ông Ngô Văn R, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Ngô Văn R (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn Xm, bà Ngô Thị Rm, ông Ngô Văn R) và ông Ngô Văn X cùng thống nhất xác định thửa đất số 273, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16) diện tích qua đo đạc thực tế 252,3 m² tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B là tài sản chung của ông Ngô Văn X và bà Nguyễn Thị N. Ông X chết nên ½ diện tích đất (126,15m²) là di sản của ông Ngô Văn X, ½ diện tích đất (126,15m²) là tài sản riêng của bà N.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông X có 06 (sáu) người gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn Xm, bà Ngô Thị Rm, ông Ngô Văn R, ông Ngô Văn R, ông Ngô Văn X.

Ông Ngô Văn R (đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn Xm, bà Ngô Thị Rm, ông Ngô Văn R) và ông Ngô Văn X cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

- Bà Nguyễn Thị N được nhận ½ diện tích đất là tài sản riêng của bà N diện tích 126,15m² thuộc một phần thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B.

- Đối với ½ diện tích còn lại của thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B diện tích 126,15m² là di sản của ông Ngô Văn X thì các đương sự thống nhất:

+ Ông Ngô Văn X được nhận phần đất diện tích $55,5 \text{ m}^2$ (phần (1)) thuộc một phần thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B

+ Bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn R, ông Ngô Văn Xm, bà Ngô Thị Rm, ông Ngô Văn R mỗi người được nhận kỹ phần là phần đất có diện tích $(126,15\text{m}^2 - 55,5\text{m}^2)/5 = 14,13\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông R, ông Xm, bà Rm, ông R đồng ý giao lại kỹ phần của mình được hưởng là phần đất có tổng diện tích $56,52\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B cho bà N được hưởng toàn bộ.

Như vậy, bà N được nhận tổng diện tích đất $196,8\text{m}^2$ (phần (2)) thuộc một phần thửa 354 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh B.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông R, ông Xm, bà Rm, ông R không yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho ông R, ông Xm, bà Rm, ông R.

Ghi nhận sự tự nguyện của N, ông Xm, bà Rm, ông R, ông R tự nguyện không yêu cầu ông X thanh toán giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất đối với phần đất ông X được hưởng vượt hơn so với phần đất ông X đáng ra được hưởng.

Ghi nhận việc bà N, ông Xm, bà Rm, ông R, ông R, ông X không yêu cầu giải quyết đối với khu mộ (phần (A)) có trên phần (1) diện tích $55,5 \text{ m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 354, tờ bản đồ số 16, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh B.

(Đình kèm họa đồ hiện trạng thửa đất ngày 01/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ba Tri).

- Về chi phí tổ tụng: 2.303.000đ (hai triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tổ tụng và đã thanh toán xong.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động theo thủ tục chung để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo thỏa thuận tại quyết định này.

* Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn

X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng do bà N, ông X thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Rm số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001076 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn R số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001075 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn R số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001077 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm